

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 18 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/6/2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quý Sáng

2. Bà Phạm Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

- Kiểm sát viên: Không.

Ngày 14/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công Ki vụ án thụ lý số: 12/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Long Thị H - sinh năm: 1990

Địa chỉ: Đ, xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Duy A - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Đ, xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai

(Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời Ki tiếp theo nguyên đơn Long Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Long Thị H và anh Phạm Duy A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện Bảo Yên vào ngày 19 tháng 12 năm 2013. Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị không hiểu nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, không trùng quan

điểm về phát triển kinh tế gia đình, anh A thường xuyên tụ tập chơi bời, chị H nhiều lần khuyên bảo anh A không nghe còn đả chửi chị H. Sự việc đã được hai bên nội ngoại nhiều lần khuyên bảo nhưng anh A không thay đổi. Không thể tiếp tục chung sống được từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 chị H đã chủ động sống ly thân anh A.

Chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh A.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 con chung: Cháu Phạm Duy Nam K – Sinh ngày 05 tháng 10 năm 2013 và cháu Phạm Thùy Chi – Sinh ngày 02 tháng 01 năm 2021. Sau khi ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, yêu cầu anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000 đồng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tòa án đã tiến Hành hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến Hành hòa giải được, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Phạm Duy A và giải quyết nuôi con chung; anh A cư trú tại huyện Bảo Yên, vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến Hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không hợp tác với Tòa án, không làm bản tự Ki, không tham gia phiên họp tiếp cận công Ki chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa vì thế Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến Hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã XH, huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Sau kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, do anh chị không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, hay cãi chửi nhau trong việc làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không

khắc phục được. Nay anh chị đã ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị H đã cung cấp được chứng cứ về mâu thuẫn gia đình anh chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị H và anh A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung:

Tại biên bản ghi ý kiến của cháu Phạm Nam Duy K có nguyện vọng được sống cùng chị H sau khi anh chị ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp được chứng cứ chị có mức thu nhập là 7.900.000 đồng /01 tháng, anh A có mức thu nhập 4.000.000 đồng/01 tháng. Trong biên bản lấy ý kiến của cháu K có nguyện vọng được ở cùng chị H sau khi anh chị ly hôn. Đối với cháu Phạm Thùy Chi chưa đủ 03 tuổi. Vì vậy cần giao các cháu Phạm Duy Nam K – Sinh ngày 05 tháng 10 năm 2013 và cháu Phạm Thùy Chi – Sinh ngày 02 tháng 01 năm 2021. Cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu K 1.000.000 đồng/01 tháng là phù hợp với mức thu nhập của anh A và không cao so với thực tế. Cần buộc anh A phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nam Duy K 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử chị Long Thị H được ly hôn anh Phạm Duy A.

2. Về con chung:

Giao các cháu Phạm Duy Nam K – Sinh ngày 05 tháng 10 năm 2013 và cháu Phạm Thùy Chi – Sinh ngày 02 tháng 01 năm 2021. Cho chị Long Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh Phạm Duy A phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Duy Nam K 1.000.000 đồng/01 tháng đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi Hành án cho đến khi thi Hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên thi Hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi Hành án tương ứng với thời gian chậm thi Hành án theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

Sau ly hôn chị anh A có quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

2. Về án phí:

Chị Long Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003438 ngày 08/02/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Anh Phạm Duy A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi Hành án có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi Hành án dân sự, thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công Ki, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện (2);
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã XH;
- Các đương sự (2);
- Lưu Hsơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Vũ Quang Đại

